TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129A/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/03/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 679/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị N**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị N: Bà **Lưu Thu P** - nhân viên công ty L1 và Cộng sự

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn N1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh N1, bà P đều vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong giá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2013. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh N1 tại thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2018

xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Tranh cãi ngày càng nhiều khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Vợ chồng chị N và anh N1 đã sống ly thân 07 năm nay. Dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh N1 có 01 con chung là Bùi Thị Anh T1, sinh ngày 13/9/2013. Hiện tại con Bùi Thị Anh T1 đang ở cùng ông bà nội tại thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương nên khi ly hôn chị đề nghị giao con cho anh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng: Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N1 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà Trần Thị T (là mẹ đẻ của anh N1):

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh N1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh N1. Bà Trần Thị T (là mẹ đẻ của anh N1) trình bày ý kiến cho biết anh N1 đã thông tin cho bà biết quan điểm của anh N1 về vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nhất nhất T2 ly hôn.

- Về con chung: Anh Nhất nhất T2 chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung cho bà T nuôi con thay anh trong thời gian anh N1 ở nước ngoài. Anh N1 đã được Tòa án nhờ bà giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp anh N1 được giao nuôi con, nhưng anh N1 xác định có đủ điều kiện nuôi con chung, nên không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bạ Tạc nhất trí nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh N1 và cam kết thông báo lại cho anh N1 được biết.

Con chung của chị N và anh Nhất L cháu Bùi Thị Anh T1 có văn bản trình bày nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh N1 có quan điểm đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Bùi Văn N1 được ly hôn với chị Ngô Thị N; Về con

chung: Giao cho anh N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Anh T1, sinh ngày 13/9/2013 cho đến khi con trưởng thành. Chị Ngô Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung cùng anh Bùi Văn N1 là 1.500.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Ngô Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Bùi Văn N1. Bị đơn anh N1 hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại M, N, T, Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh N1 tại Đài Loan. Theo quy định tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần yêu cầu người nhà trong gia đình anh N1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình anh N1 không cung cấp được. Thông qua gia đình anh N1 xác định anh N1 có liên lạc về gia đình, anh N1 có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N theo biên bản lấy lời khai của bà T (là mẹ đẻ của anh N1). Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa chị N có đơn đề nghị giải quyết xử vắng mặt; anh N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị N và anh Bùi Văn N1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Hiện nay, anh N1 đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, mỗi người có cuộc sống riêng. Đến nay chị N xác định không còn tình cảm với anh N1 và có đơn xin ly hôn, anh N1 có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N, anh N1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N ly hôn anh Nhất L phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị N và anh N1 có 01 con chung là Bùi Thị Anh T1, sinh ngày 13/9/2013. Hiện tại con Bùi Thị Anh T1 đang ở cùng ông bà nội tại thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương nên khi ly hôn chị đề nghị giao con cho anh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử, xét thấy: Anh N1 đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, tuy nhiên anh Nhất nhất T2 giao con cho mẹ ruột là bà Trần Thị T nuôi dưỡng đến khi anh về nước. Cháu T1 cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội. Do đó, giao cho anh N1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi trưởng thành. Trong thời giao anh N1 ở Đài Loan, tạm giao cháu T1 cho bà Trần Thị T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương chăm nom, nuôi dưỡng (bà T là mẹ đẻ của anh N1).

Về mức cấp dưỡng: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N1 1.500.000 đồng/tháng. Anh N1 đã được giải thích quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi con chung, cần chấp chận sự tự nguyện của chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh N1 1.500.000 đồng/tháng.

Chị Ngô Thị N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Bùi Văn N1.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn N1 được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Anh T1, sinh ngày 13/9/2013 thời gian từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời giao anh N1 ở Đài Loan, tạm giao cháu T1 cho bà Trần Thị T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương chăm nom, nuôi dưỡng (bà T là mẹ đẻ của anh N1). Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho con chung cùng anh Nhất là

1.500.000 đồng/tháng thời gian từ tháng 04/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0005420 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (đã nộp đủ).

Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh N1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường